

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/DS-ST

Ngày: 07 - 5 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyền;
2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Phan Gia Hân - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2026/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-DS ngày 24/03/2026 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1984. (Có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn, gồm:

2.1. Ông Trần Thanh Đ1, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An (nay thuộc xã T, tỉnh Tây Ninh).

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Bà Hồ Thu T, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2025 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và phần trình bày của bà Đ trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Từ chỗ bạn bè thân thiết, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nhiều lần cho bà Hồ Thu T mượn tiền, hiện nay bà T còn nợ tổng cộng 600.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 18/4/2020 âm lịch bà Đ cho bà T mượn số tiền 10.000.000 đồng có viết biên nhận chữ viết tay;

Ngày 22/4/2020 dương lịch (âm lịch là ngày 28/3/2020) bà Đ cho bà T mượn tiếp số tiền 200.000.000 đồng có viết biên nhận (02 biên nhận, một biên nhận là chữ bà Đ viết, 01 biên nhận là chữ bà T viết);

Ngày 15/6/2020 dương lịch bà Đ cho bà T mượn tiếp 10.000.000 đồng có viết biên nhận chữ viết tay;

Ngày 19/3/2021 âm lịch bà Đ cho bà T mượn tiếp 30.000.000 đồng có viết biên nhận chữ viết tay

Ngày 21/01/2021 dương lịch (tức âm lịch là ngày 10/01/2021) bà Đ cho bà T mượn 350.000.000 đồng.

Bà Đ và bà T không thoả thuận cụ thể lãi mà nói miệng khi bà T trả nợ thì trả thêm tiền lãi, không nói rõ mức lãi bao nhiêu. Khoản tiền trên bà T nói mượn để cất nhà. Bà T có hứa cất nhà xong sẽ trả nợ tuy nhiên đến nay cũng chưa trả cho bà Đ. Các khoản nợ trên không có tài sản thế chấp.

Bà T và ông Trần Thanh Đ1 là vợ chồng nhưng đã ly hôn hay chưa thì không rõ. Bà T là người trực tiếp mượn tiền của bà Đ, vì tin tưởng nên khi đưa tiền cho bà T mượn thì bà Đ không thông báo cho ông Đ1 biết, trong các biên nhận chỉ mình bà T ký tên. Hiện nay bà T không còn ở địa phương, bà Đ không biết bà T đang ở đâu.

Theo đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu bà Hồ Thu T và ông Trần Thanh Đ1 cùng trả số tiền nợ vay gốc là 600.000.000 đồng, tại phiên tòa bà Đ thay đổi chỉ yêu cầu mình bà T trả nợ vì không chứng minh được ông Đ1 có mượn tiền, bà Đ không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Trần Thanh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án có trình bày:

Ông Trần Thanh Đ1 và bà Hồ Thu T đã ly hôn 06 tháng trước đây tại Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng. Số tiền bà Đ khởi kiện yêu cầu ông Đ1 và bà T trả thì ông Đ1 không đồng ý vì ông không mượn hay vay tiền của bà Đ. Trong các biên nhận người mượn tiền đều có một mình bà T ký tên, ông Đ1 không có ký tên hay liên quan gì đến việc mượn tiền này.

Việc bà Đ cho rằng bà T mượn tiền của bà Đ để vợ chồng xây nhà là hoàn toàn không có thật, vì trước khi ly hôn ông Đ1 và bà T có xây dựng căn nhà nhưng số tiền xây nhà là từ việc hốt hụi mà có chứ không có vay mượn của ai. Bà T có mượn hay vay tiền của bà Đ thì ông Đ1 không biết.

Bị đơn bà Hồ Thu T vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an xã T thì bà Hồ Thu T có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh nhưng không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Cho thấy tại thời điểm bà Đ khởi kiện thì bà T không có mặt tại địa phương. Nhưng trong biên nhận nợ có ghi địa chỉ của bà T là ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh). Bà Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo địa chỉ của bà T cung cấp trong biên nhận nợ nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Do bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản mà không thông báo cho bà Đ biết về nơi cư trú mới theo khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về nội dung vụ án:

Bà Đ cho rằng bà T vay số tiền trên với mục đích là để xây nhà cho vợ chồng bà T, ông Đ1 nên khởi kiện yêu cầu ông Đ1 và bà T liên đới trả nợ. Ông Đ1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày trong hồ sơ vụ án cho rằng ông không ký tên vào các biên nhận nợ, không biết việc bà T vay tiền của bà Đ cũng như không thừa nhận có sử dụng số tiền trên vào việc xây dựng nhà cửa, trước khi ly hôn với bà T thì ông Đ1 và bà T có xây dựng nhà nhưng từ tiền hốt hụi mà có chứ không có vay mượn của ai nên không đồng ý liên đới cùng bà trả 600.000 đồng cho bà Đ.

Tại phiên tòa, bà Đ xác định số tiền 600.000.000 đồng cho bà T vay là nợ gốc và thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu mình bà T trả là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi, bà Đ không yêu cầu lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh Đ1 và bà Hồ Thu T trả tiền nợ vay. Căn cứ Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, ông Đ1 có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại xã T tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên hiện nay đang cư trú tại ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh; Bà T có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh, tuy

nhiên hiện nay không có mặt tại địa phương, bà Đ không biết bà T đang ở đâu. Hội đồng xét xử xét thấy trong các biên nhận mượn tiền giữa bà Hồ Thu T với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, bà T có cung cấp địa chỉ tại ấp C, xã T, thị xã K (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Bà T không còn ở địa phương nhưng không thông báo về nơi ở mới nên được xem là cố tình giấu địa chỉ, bà Đ khởi kiện tại nơi cư trú cuối cùng của bà T. Do đó căn cứ Điều 189, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP thì Tòa án vẫn thụ lý giải quyết là đúng quy định. Căn cứ các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

[3] Bà Hồ Thu T, ông Trần Thanh Đ1 đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ1 theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ yêu cầu ông Trần Thanh Đ1 và bà Hồ Thu T liên đới trả số tiền nợ vay gốc 600.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà, bà Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Hồ Thu T trả nợ, không yêu cầu đối với ông Đ1. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của bà Đ.

Bị đơn bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày mặc dù đã được cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, như vậy được xem là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

[4.2] Căn cứ vào tài liệu là các Biên bản cho mượn tiền giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và bà Hồ Thu T, cụ thể: Biên nhận cho mượn tiền ngày 28/3/2020 âm lịch thể hiện bà Hồ Thu T có mượn của bà Đ số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 18/4/2020 thể hiện bà Hồ Thu T có mượn thêm của bà Đ 10.000.000 đồng; Biên nhận ngày 15/6/2020 bà T có nhận thêm của bà Đ 10.000.000 đồng; Biên nhận ngày 10/01/2021 âm lịch bà T có mượn bà Đ số tiền 350.000.000 đồng; Biên nhận ngày 19/3/2021 bà T mượn của bà Đ 30.000.000 đồng. Xét thấy các biên nhận đều có chữ ký nhận của bà T. Do đó căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự có cơ sở xác định giữa bà Đ và bà T có xác lập các giao dịch vay tiền, tổng số tiền nợ vay là 600.000.000 đồng.

Căn cứ các biên nhận vay tiền nêu trên thì các bên không có thoả thuận thời hạn thanh toán nợ nên căn cứ Điều 469 Bộ luật Dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn.

Xét thấy trước khi khởi kiện, bà Đ đã có đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gửi Ủy ban nhân dân xã T giải quyết nhưng việc hoà giải không thành. Như vậy chứng tỏ bà Đ đã có thông báo và yêu cầu trả nợ. Bị đơn bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ trên. Do đó, căn cứ Điều 466

Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà T thanh toán tổng số tiền nợ gốc cho bà Đ là 600.000.000 đồng.

[4.3] Về tiền lãi, bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 274, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Hồ Thu T.

Buộc bà Hồ Thu T có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thu T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 28.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000027 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự còn lại vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung